

Số: /ĐHL-ĐTĐH

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

V/v công khai nội dung cơ bản
Đề án mở ngành đào tạo
Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Hội đồng trường, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Các đơn vị truyền thông, phụ huynh và thí sinh.

Căn cứ Nghị quyết số 184/NQ-HĐT ngày 15/5/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt thông qua Đề án mở ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học, ngày 26/5/2025, Hiệu trưởng đã có Quyết định số 434/QĐ-ĐHL về việc ban hành Đề án mở ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học;

Thực hiện điểm b khoản 5 Điều 14 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 và Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Trường) công khai một số nội dung cơ bản của Đề án mở ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học, cụ thể như sau:

1. Lý do mở ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học

1.1. Lý do mở ngành đào tạo

- *Thứ nhất*, phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, được Trường xác định trên ba khía cạnh:

(i) Là một ngành dịch vụ trong nền kinh tế, ngành Ngân hàng là đối tượng của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa;

(ii) Là một chủ thể góp phần kiến tạo môi trường kinh tế - xã hội thuận lợi cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa;

(iii) Là huyết mạch tài chính của nền kinh tế, hỗ trợ đắc lực cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Vì vậy, ngành Tài chính - Ngân hàng đòi hỏi phải có đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp và nắm vững kiến thức pháp luật về thẩm định giá, sở hữu trí tuệ, quản trị tài sản trí tuệ, ngân hàng, tài chính công để đáp ứng các yêu cầu trên.

- *Thứ hai*, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. Việc Trường mở ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng là hoạt động cụ thể đáp ứng mục tiêu đào tạo đa ngành, hiện đại; là việc phát triển chương trình đào tạo theo hướng liên ngành, kết hợp giữa quản trị, tài chính và pháp luật, phù hợp với thực tiễn và đáp ứng nhu cầu của xã hội; và cũng là điều kiện tốt để góp phần giúp Trường đạt được mục tiêu tạo dựng và duy trì mối quan hệ quốc tế rộng rãi;

- *Thứ ba*, nhu cầu ngày càng tăng cao cả về số lượng và chất lượng đối với nhân lực ngành Tài chính - Ngân hàng thông qua việc Chính phủ đã có Nghị quyết số 259/NQ-CP ngày 31/12/2024 về việc ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Thông báo kết luận số 47-TB/TW ngày 15/11/2024 của Bộ Chính trị về xây dựng Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế tại Việt Nam. Theo đó, tại Thành phố Hồ Chí Minh là Trung tâm tài chính quốc tế toàn diện và tại thành phố Đà Nẵng là Trung tâm tài chính khu vực; đồng thời Thủ tướng Chính phủ cũng đã có Quyết định số 1718/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 về việc thành lập Ban Chỉ đạo về Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế tại

Việt Nam. Ngoài ra, trước đó, trong lĩnh vực ngân hàng, Thủ tướng Chính phủ cũng đã có Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- *Thứ tư*, thực trạng nhân lực ngành Tài chính - Ngân hàng có trình độ chuyên môn cao và am hiểu sâu rộng kiến thức pháp luật về thẩm định giá, sở hữu trí tuệ, quản trị tài sản trí tuệ, quản trị tài chính công, ngân hàng đang bị thiếu hụt;

- *Thứ năm*, kết quả khảo sát đánh giá nhu cầu thực tế nhân lực ngành Tài chính - Ngân hàng. Kết quả cho thấy cơ quan, đơn vị sau 05 năm nữa có nhu cầu sử dụng nhân lực tốt nghiệp trình độ đại học ngành Tài chính - Ngân hàng, với các chuyên ngành là Quản trị tài chính công; Ngân hàng; Thẩm định giá và quản trị tài sản chiếm đến 63,16%; đồng thời khi được hỏi về sự sẵn lòng giới thiệu cho người thân đăng ký học Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học do Trường đào tạo thì hơn 70% ý kiến trả lời rất sẵn lòng và sẵn lòng giới thiệu.

1.2. Mục tiêu đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học

a) Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học có mục tiêu đào tạo theo định hướng nghiên cứu, hướng đến đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, tuân thủ pháp luật và có kiến thức vững vàng trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Thông qua Chương trình đào tạo này, sinh viên sẽ có khả năng vận dụng kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, áp dụng hiệu quả các kiến thức pháp luật và phát triển năng lực phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng;

b) Về kiến thức:

- Trang bị và cung cấp kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật; có kiến thức cơ bản và nâng cao về lĩnh vực tài chính, ngân hàng để tiếp thu và phát triển kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức thực tiễn cơ bản của ngành Tài chính - Ngân hàng thuộc nhóm ngành “Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm” và lĩnh vực Kinh doanh và quản lý;

- Nắm vững kiến thức để giải quyết vấn đề và ra quyết định khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp về tài chính, ngân hàng.

c) Về kỹ năng:

- Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học, có khả năng lập luận và tư duy phản biện và vận dụng khi làm việc độc lập và làm việc nhóm;

- Có kỹ năng tự cập nhật kiến thức mới, sử dụng các phương pháp, công cụ, nghiệp vụ phù hợp của ngành Tài chính - Ngân hàng để có thể giải quyết các công việc chuyên môn trong thực tiễn.

d) Về mức tự chủ và trách nhiệm:

- Có ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật, ý thức phục vụ cộng đồng, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc;

- Có khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng mềm một cách tự chủ và có trách nhiệm; có ý thức nâng cao năng lực học tập suốt đời.

2. Chuẩn đầu vào của ngành đào tạo, Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế tuyển sinh và Thông tin tuyển sinh trình độ đại học của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, người học phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

2.1. Đối với người đã tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương)

- (i) Đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;
- (ii) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- (iii) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định tại Thông tin tuyển sinh và trong thông báo tại thời điểm tuyển sinh;
- (iv) Thực hiện đúng, đủ, hết quy trình đăng ký xét tuyển trong thời hạn quy định; riêng đối với hình thức vừa làm vừa học là nộp hồ sơ trong thời hạn quy định tại thời điểm thông báo tuyển sinh;
- (v) Có kết quả xét tuyển phù hợp với chỉ tiêu theo từng tổ hợp đã được Trường công bố; riêng đối với hình thức vừa làm vừa học là xét tuyển dựa vào học bạ và bằng tốt nghiệp trung học phổ thông;
- (vi) Thực hiện việc xác nhận nhập học và làm thủ tục nhập học trong thời hạn quy định.

2.2. Đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học đăng ký học liên thông ngành Tài chính - Ngân hàng

- (i) Đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học hình thức chính quy, hoặc hình thức vừa làm vừa học ở tất cả các ngành/ nhóm ngành ở trong nước hoặc nước ngoài (*văn bằng tốt nghiệp đại học ở nước ngoài phải được công nhận tại Việt Nam theo quy định về thẩm quyền công nhận văn bằng của Bộ Giáo dục và Đào tạo*);
- (ii) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- (iii) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định tại Thông tin tuyển sinh và trong thông báo tại thời điểm tuyển sinh;
- (iv) Nộp hồ sơ trong thời hạn quy định tại thời điểm thông báo tuyển sinh;
- (v) Có kết quả xét tuyển dựa vào bằng tốt nghiệp đại học và điểm trung bình tích lũy toàn khóa học (*được làm tròn đến 2 chữ số thập phân*) phù hợp với chỉ tiêu của đợt tuyển sinh đó hoặc lớp tuyển sinh đó;
- (vi) Thực hiện việc xác nhận nhập học và làm thủ tục nhập học trong thời hạn quy định.

3. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học

Sau khi tích lũy đủ và đạt khối lượng học tập (tín chỉ) theo quy định của Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học, sinh viên sẽ đạt được chuẩn đầu ra (Program Learning Outcomes - viết tắt là **PLO**) về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm như sau:

3.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

- a) Trình bày được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị, pháp luật và các kiến thức cơ sở của ngành Tài chính - Ngân hàng;
- b) Vận dụng được các kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản phục vụ công việc thuộc ngành Tài chính - Ngân hàng được đào tạo;
- c) Phân tích được các lý thuyết và những nguyên lý cơ bản trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và ứng dụng được trong thực tiễn của nền kinh tế - xã hội;
- d) Phân tích được chính sách có liên quan đến ngành được đào tạo và các vấn đề thực tiễn chuyên môn sâu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng ở một đơn vị phù hợp như ngân hàng, tài chính công, thẩm định giá.

3.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

a) Có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn có liên quan đến ngành được đào tạo trong công việc;

b) Có trình độ tiếng Anh theo chương trình TOEIC quốc tế, ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (*sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng thông dụng như: Microsoft Word, Excel, PowerPoint; và biết cách sử dụng, khai thác Internet an toàn, hiệu quả*) đáp ứng yêu cầu về công việc và yêu cầu về năng lực số theo quy định của pháp luật;

c) Có kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tổng hợp, kỹ năng nhận diện, kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng tại các môi trường làm việc khác nhau, môi trường đa văn hóa; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp;

d) Có kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng quản trị nhóm, ra quyết định; có khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề chuyên môn trong các chuyên ngành Quản trị tài chính công, Thẩm định giá và quản trị tài sản trong thực tiễn.

3.3. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

a) Có ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật, ý thức phục vụ cộng đồng, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; có ý thức tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn và ý thức năng lực học tập suốt đời;

b) Có khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng mềm một cách tự chủ và có trách nhiệm; có niềm tin, tự định hướng và có năng lực đưa ra kết luận một cách tự chủ và bảo vệ quan điểm cá nhân khi giải quyết các tình huống cụ thể có liên quan đến hoạt động nghề nghiệp. Có tinh thần chủ động tham gia thị trường lao động; có đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh và chịu trách nhiệm cá nhân đối với hoạt động nghề nghiệp.

4. Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học

4.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học có cấu trúc gồm khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trong đó:

a) Đối với khối kiến thức giáo dục đại cương gồm kiến thức lý luận chính trị, lý luận nhà nước và pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh, ngoại ngữ, tin học và kiến thức nền tảng của ngành Tài chính - Ngân hàng;

b) Đối với khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm kiến thức cơ sở của nhóm ngành và ngành, kiến thức ngành và kiến thức thực tập, trải nghiệm (hoặc làm khóa luận tốt nghiệp);

c) Đối với kiến thức ngành có kiến thức chung, kiến thức chuyên sâu và kiến thức bổ trợ;

d) Đối với kiến thức chuyên sâu gồm có kiến thức bắt buộc và kiến thức tự chọn của 02 chuyên ngành: chuyên ngành “Quản trị tài chính công” và chuyên ngành “Thẩm định giá và quản trị tài sản”.

4.2. Tổng khối lượng học tập và thời gian đào tạo

a) Tổng khối lượng học tập: Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học có khối lượng học tập là **123 tín chỉ**, trong đó có **30 tín chỉ** thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và **93 tín chỉ** thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp;

cộng với 03 tín chỉ Chương trình môn học Giáo dục thể chất và 11 tín chỉ Chương trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định hiện hành.

b) Khối lượng học tập theo từng khối kiến thức:

Stt	Khối lượng học tập	Số tín chỉ
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm 3 tín chỉ Chương trình môn học Giáo dục thể chất và 11 tín chỉ Chương trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh)	30
2.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93
	2.1. Kiến thức cơ sở của nhóm ngành và ngành	27
	2.2. Kiến thức ngành	61
	a) Kiến thức chung	34
	b) Kiến thức chuyên sâu	24
	(i) Chuyên ngành Quản trị tài chính công	
	- Kiến thức bắt buộc	21
	- Kiến thức tự chọn	3/6
	(ii) Chuyên ngành Thẩm định giá và quản trị tài sản	
	- Kiến thức bắt buộc	21
	- Kiến thức tự chọn	3/6
	c) Kiến thức bổ trợ (tự chọn)	3/12
	2.3. Kiến thức thực tập, trải nghiệm để làm báo cáo thực tập cuối khóa và học, thi học phần chuyên môn (hoặc khóa luận tốt nghiệp)	5
	Cộng:	123

c) Thời gian đào tạo:

(i) Thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa:

- Đối với người đã tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương):
 - Hình thức đào tạo chính quy: có thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa là 4 (bốn) năm và được triển khai trong 8 (tám) học kỳ;
 - Hình thức đào tạo vừa làm vừa học: có thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa là 4,5 (bốn phẩy năm) năm và được triển khai trong 9 (chín) học kỳ.

- Đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học đăng ký học liên thông ngành Tài chính - Ngân hàng:

- Hình thức đào tạo chính quy: có thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa là 2,5 (hai phẩy năm) năm và được triển khai trong 5 (năm) học kỳ;
- Hình thức đào tạo vừa làm vừa học: có thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa là 3 (ba) năm và được triển khai trong 6 (sáu) học kỳ.

(ii) Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học không vượt quá 2 (hai) lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa;

(iii) Thời gian tối đa để sinh viên rút ngắn thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa không vượt quá 2 (hai) học kỳ chính đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương); và không vượt quá 1 (một) học kỳ chính đối với người có bằng tốt nghiệp trình độ đại học.

4.3. Nội dung Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học

a) Khối kiến thức giáo dục đại cương: 30 tín chỉ, trong đó:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Triết học Mác - Lênin	3	Khoa Khoa học cơ bản
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Khoa Khoa học cơ bản
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Khoa Khoa học cơ bản
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa Khoa học cơ bản
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Khoa Khoa học cơ bản
6.	Toán cao cấp	2	Khoa Quản trị
7.	Toán kinh tế	2	Khoa Quản trị
8.	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	Khoa Quản trị
9.	Lý luận về nhà nước và pháp luật	3	Khoa Luật hành chính - nhà nước
10.	Tin học đại cương	2	Phòng Đào tạo Đại học (sinh viên tự học và nộp chứng chỉ)
11.	Tiếng Anh HP1,2,3	7	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
12.	Giáo dục thể chất (học phần điều kiện)	3	Khoa Khoa học cơ bản
13.	Giáo dục quốc phòng và an ninh (học phần điều kiện)	11	Phòng Đào tạo Đại học
Cộng:		30	

b) Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 93 tín chỉ, trong đó:

(i) Kiến thức cơ sở của nhóm ngành và ngành: 27 tín chỉ, bao gồm:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Kinh tế vi mô	3	Khoa Quản trị
2.	Kinh tế vĩ mô	3	Khoa Quản trị
3.	Kinh tế lượng	3	Khoa Quản trị
4.	Nguyên lý kế toán	3	Khoa Quản trị
5.	Lý thuyết Tài chính và tiền tệ	3	Khoa Quản trị
6.	Quản trị học	3	Khoa Quản trị
7.	Phương pháp nghiên cứu trong tài chính	3	Khoa Quản trị
8.	Phát triển bền vững	3	Khoa Quản trị
9.	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3	Khoa Luật thương mại
Cộng:		27	

(ii) Kiến thức ngành: 61 tín chỉ, bao gồm:

ii.1) Kiến thức chung: 34 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Tài chính công	3	Khoa Quản trị
2.	Tài chính doanh nghiệp	3	Khoa Quản trị
3.	Tài chính quốc tế	3	Khoa Quản trị
4.	Nguyên lý thẩm định giá	3	Khoa Quản trị
5.	Thị trường chứng khoán	3	Khoa Quản trị
6.	Kiểm toán	3	Khoa Quản trị
7.	Ngân hàng thương mại	3	Khoa Quản trị
8.	Lập và thẩm định dự án	3	Khoa Quản trị

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
9.	Quản trị rủi ro tài chính	3	Khoa Quản trị
10.	Thanh toán quốc tế	2	Khoa Quản trị
11.	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	Khoa Quản trị
12.	Luật Ngân hàng	3	Khoa Luật thương mại
Cộng:		34	

ii.2) Kiến thức chuyên sâu: 24 tín chỉ, gồm có 2 chuyên ngành:

ii.2.a) Chuyên ngành Quản trị tài chính công

❖ Kiến thức bắt buộc: 21 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Quản lý tài chính các đơn vị công	3	Khoa Quản trị
2.	Định giá và quản lý tài sản công	3	Khoa Quản trị
3.	Quản lý nhà nước về tài chính	3	Khoa Quản trị
4.	Kế toán tài chính các đơn vị công	3	Khoa Quản trị
5.	Quản lý Thuế	3	Khoa Quản trị
6.	Phân tích chính sách công	3	Khoa Quản trị
7.	Luật Tài chính công	3	Khoa Luật thương mại
Cộng:		21	

❖ Kiến thức tự chọn: chọn 3/6 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Kế toán thuế	3	Khoa Quản trị
2.	Quản lý tài khóa và soạn lập ngân sách	3	Khoa Quản trị
Cộng:		3/6	

ii.2.b) Chuyên ngành Thẩm định giá và quản trị tài sản

❖ Kiến thức bắt buộc: 21 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Thẩm định tín dụng	3	Khoa Quản trị
2.	Thẩm định giá bất động sản	3	Khoa Quản trị
3.	Thẩm định giá doanh nghiệp	3	Khoa Quản trị
4.	Quản trị tài sản bất động sản	3	Khoa Quản trị
5.	Luật sở hữu trí tuệ	3	Khoa Luật dân sự
6.	Luật Đất đai	3	Khoa Luật thương mại
7.	Pháp luật về thẩm định giá	3	Khoa Luật thương mại
Cộng:		21	

❖ Kiến thức tự chọn: chọn 3/6 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Thẩm định giá tài sản vô hình	3	Khoa Quản trị
2.	Thẩm định giá đầu tư	3	Khoa Quản trị
Cộng:		3/6	

ii.3) Kiến thức bổ trợ: chọn 3/12 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Công nghệ tài chính	3	Khoa Quản trị
2.	Luật Hành chính	3	Khoa Luật hành chính - nhà nước
3.	Quản trị tài sản trí tuệ	3	Khoa Luật dân sự
4.	Luật Lao động	3	Khoa Luật dân sự
Cộng:		3/12	

(iii) Kiến thức thực tập, trải nghiệm để làm báo cáo thực tập cuối khóa và học, thi học phần chuyên môn hoặc khóa luận tốt nghiệp: 5 tín chỉ, trong đó:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Khóa luận tốt nghiệp	5	Khoa Quản trị
2.	Hoặc Báo cáo thực tập cuối khóa và học, thi các học phần chuyên môn:		
	a) Báo cáo thực tập cuối khóa	3	Khoa Quản trị
	b) Học và thi học phần chuyên môn	2	Khoa Quản trị
	- Chuyên ngành Quản trị tài chính công: Thực hành khai báo thuế	2	Khoa Quản trị
	- Chuyên ngành Thẩm định giá và quản trị tài sản: Thực hành phân tích giá thị trường hàng hóa và tài sản	2	Khoa Quản trị
Cộng:		5	

c) Một số yêu cầu về chuẩn đầu ra trình độ tin học, tiếng Anh và xét làm khóa luận tốt nghiệp:

(i) Yêu cầu về chuẩn đầu ra trình độ tin học và tiếng Anh:

i.1) Tin học:

- Sinh viên phải đạt chuẩn trình độ “Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản” (hoặc tương đương) hoặc MOS Word;
- Sinh viên tự học, thi và nộp chứng chỉ khi đủ điều kiện, theo thông báo của Trường.

i.2) Tiếng Anh:

- Sinh viên phải đạt chuẩn trình độ tiếng Anh theo chương trình TOEIC quốc tế với số điểm **đạt từ 550 điểm trở lên** (hoặc TOEFL, IELTS tương đương);
- Sinh viên tự trang bị, thi và nộp chứng chỉ khi đủ điều kiện, theo thông báo của Trường.

(ii) Việc xét cho sinh viên được viết khóa luận tốt nghiệp do Trường quy định cho từng khóa học, lớp học nhưng không quá 10% tổng số sinh viên toàn khóa; và điểm trung bình tích lũy toàn khóa của sinh viên không thấp hơn 2,8 (tính theo thang điểm 4).

4.4. Sự khác biệt Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học của Trường so với các cơ sở giáo dục đang đào tạo cùng ngành, cùng trình độ

Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học của Trường có sự khác biệt so với các cơ sở giáo dục đang đào tạo cùng ngành, cùng trình độ:

- *Thứ nhất*, sự kết hợp hài hòa giữa hai lĩnh vực quan trọng trong hoạt động quản trị, kinh doanh là “pháp luật” và “tài chính, ngân hàng”. Chương trình đào tạo của Trường

không chỉ trang bị kiến thức về tài chính, ngân hàng mà còn cung cấp cho sinh viên nền tảng pháp lý trong hoạt động quản trị tài sản trí tuệ, pháp luật về ngân hàng, pháp luật về tài chính công, pháp luật về thẩm định giá, pháp luật về đất đai, pháp luật về lao động. Điều này rất quan trọng trong bối cảnh hội nhập quốc tế, giúp sinh viên tốt nghiệp tại Trường có khả năng xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động thực tiễn, điều mà không nhiều chương trình đào tạo tại các trường đại học khác, kể cả của nước ngoài trang bị kiến thức cho sinh viên;

- *Thứ hai*, chương trình đào tạo của Trường có tính thực tiễn cao thông qua việc chú trọng phát triển các kỹ năng thực tiễn với việc ứng dụng kiến thức vào các tình huống được mô phỏng thực tế, giúp sinh viên có cái nhìn sâu sắc và khả năng xử lý các tình huống phát sinh trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến tài chính, ngân hàng;

- *Thứ ba*, một trong những mục tiêu trọng tâm của chương trình đào tạo của Trường là trang bị cho sinh viên tư duy phản biện và kỹ năng lãnh đạo. Các học phần trong chương trình đào tạo không chỉ trang bị kiến thức về chuyên môn mà còn rèn luyện các kỹ năng quan trọng khác như giao tiếp, làm việc nhóm và tư duy chiến lược trong bối cảnh toàn cầu hóa. Điều này giúp sinh viên phát triển một cách toàn diện, đáp ứng được các yêu cầu khắt khe của thị trường lao động quốc tế;

- *Thứ tư*, đối với kiến thức thực tập và trải nghiệm, Trường chú trọng cho sinh viên tham gia thực tập với đa dạng các loại hình doanh nghiệp, tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp trong và ngoài nước; tại các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính, ngân hàng.

5. Đội ngũ giảng viên và nhà khoa học để mở ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học

5.1. Về đội ngũ giảng viên và nhà khoa học ngành phù hợp và chuyên môn phù hợp

a) Đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ “ngành phù hợp” chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đó là TS. Hồ Hoàng Gia Bảo, có trình độ chuyên môn ngành Tài chính - Ngân hàng và kinh nghiệm giảng dạy tính đến thời điểm này là 10 năm.

Danh sách giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ “ngành phù hợp” chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo:

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Chức danh, trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo
1.	Hồ Hoàng Gia Bảo	05/10/1991	Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Tài chính - Ngân hàng

b) Đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ với “chuyên môn phù hợp” để chủ trì giảng dạy Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học bao gồm:

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Chức danh, trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo
1.	Hồ Hoàng Gia Bảo	05/10/1991	Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Tài chính - Ngân hàng
2.	Nguyễn Thị Thu Thủy	10/03/1987	Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Tài chính - Ngân hàng
3.	Thân Ngọc Minh	02/01/1972	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Tài chính - Ngân hàng
4.	Lê Hoàng Phong	01/01/1985	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Tài chính - Ngân hàng
5.	Nguyễn Bá Hoàng	03/06/1990	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Tài chính - Ngân hàng

c) Đội ngũ giảng viên thực hiện Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng là giảng viên của Khoa Quản trị và giảng viên của các khoa chuyên môn của Trường. Tính đến ngày 01/3/2025, Trường có 468 viên chức và người lao động, trong đó có 335 giảng viên và 133 chuyên viên, nhân viên phục vụ; đội ngũ giảng viên của Trường có 04 giáo sư, 20 phó giáo sư, 98 tiến sĩ, 209 thạc sĩ và 04 cử nhân trình độ đại học; riêng Khoa Quản trị có 45 giảng viên, trong đó có 01 phó giáo sư, 13 tiến sĩ và 31 thạc sĩ. Trong số 31 thạc sĩ có 11 giảng viên đang làm nghiên cứu sinh.

d) Tham gia giảng dạy các học phần trong Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học còn có đội ngũ giảng viên thỉnh giảng. Giảng viên thỉnh giảng chỉ đảm nhận tối đa 30% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong chương trình đào tạo. Theo đó, tính đến ngày 01/3/2025, Trường đã ký hợp đồng thỉnh giảng với 02 giảng viên có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy để đảm nhận một số học phần trong Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học.

đ) Mỗi học phần trong chương trình đào tạo đều có 02 giảng viên cơ hữu của Trường đảm nhận. Ngoài ra, có một số học phần còn có sự tham gia giảng dạy của giảng viên thỉnh giảng như: Lý thuyết xác suất và thống kê toán, Toán cao cấp và Toán kinh tế.

5.2. Về đội ngũ giảng viên thực hiện Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học

Stt	Họ và tên	Học phần giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nguyễn Quốc Vinh; Lưu Đình Vinh; Nguyễn Văn Ý.	Triết học Mác-Lênin	HK1, năm 1	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
2	Nguyễn Quốc Vinh; Nguyễn Hoài Đông; Nguyễn Thanh Long.	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	HK1, năm 1	2				Giảng viên tham gia giảng dạy
3	Nguyễn Hoài Đông; Lưu Đình Vinh; Nguyễn Văn Ý.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	HK2, năm 1	2				Giảng viên tham gia giảng dạy
4	Trần Thị Rồi; Lê Thị Hồng.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HK3, năm 2	2				Giảng viên tham gia giảng dạy
5	Trần Ngọc Anh; Trần Thị Rồi.	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	HK4, năm 2	2				Giảng viên tham gia giảng dạy
6	Trần Thị Bảo Trâm; Nguyễn Thị Diễm Hương (thỉnh giảng); Ngô Thuận Dũ (thỉnh giảng).	Toán cao cấp	HK1, năm 1	2				Giảng viên tham gia giảng dạy/ Giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy
7	Trần Thị Bảo Trâm; Nguyễn Thị Diễm Hương (thỉnh giảng); Ngô Thuận Dũ (thỉnh giảng).	Toán kinh tế	HK2, năm 1	2				Giảng viên tham gia giảng dạy/ Giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy

Stt	Họ và tên	Học phần giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
8	Trần Thị Bảo Trâm; Nguyễn Thị Diễm Hương (thỉnh giảng); Ngô Thuận Dù (thỉnh giảng).	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	HK2, năm 1	3				Giảng viên tham gia giảng dạy/ Giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy
9	Nguyễn Thị Ngọc Mai Phạm Thị Phương Thảo (A); Phạm Thị Phương Thảo (B).	Lý luận về nhà nước và pháp luật	HK2, năm 1	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
10	Phạm Huyền Trân; Lê Cảnh Huy.	Tiếng Anh HP1	HK2, năm 1	2				Giảng viên tham gia giảng dạy
11	Nguyễn Lê Quyền Uy; Lê Cảnh Huy.	Tiếng Anh HP2	HK3, năm 2	2				Giảng viên tham gia giảng dạy
12	Nguyễn Lê Quyền Uy; Phạm Huyền Trân.	Tiếng Anh HP3	HK4, năm 2	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
13	Đỗ Hoàng Hiếu; Trần Văn Hạnh.	Giáo dục thể chất HP1,2,3	HK1,2; năm 1	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
14	Nguyễn Quốc Phong; Lê Anh Luyện.	Kinh tế vi mô	HK2, năm 1	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
15	Lương Công Nguyên; Lê Anh Luyện.	Kinh tế vĩ mô	HK3, năm 2	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
16	Lương Công Nguyên; Nguyễn Quốc Phong; Vũ Quang Mạnh.	Kinh tế lượng	HK3, năm 2	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
17	Nguyễn Thị Ngọc; Đoàn Thùy Linh.	Nguyên lý kế toán	HK3, năm 2	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
18	Lê Hoàng Phong; Ngô Huỳnh Giang; Trịnh Quốc Trung.	Lý thuyết Tài chính và tiền tệ	HK3, năm 2	3				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/Giảng viên tham gia giảng dạy
19	Từ Thanh Thảo; Nguyễn Tuấn Vũ; Đặng Hoa Trang.	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	HK3, năm 2	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
20	Hoàng Văn Long; Nguyễn Quốc Ninh; Nguyễn Hoàng Phước Hiền; Lại Nam Tuấn; Võ Thị Thảo Nguyên.	Quản trị học	HK1, năm 1	3				Giảng viên tham gia giảng dạy

Stt	Họ và tên	Học phần giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
21	Hồ Hoàng Gia Bảo; Trần Thùy Nhung; Nguyễn Hữu Phú Thành.	Phương pháp nghiên cứu trong tài chính	HK4, năm 2	3				Giảng viên ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ Giảng viên tham gia giảng dạy
22	Nguyễn Hữu Phú Thành; Nguyễn Quốc Phong; Vũ Thanh An.	Phát triển bền vững	HK4, năm 2	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
23	Nguyễn Bá Hoàng; Lê Hoàng Phong.	Tài chính công	HK4, năm 2	3				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
24	Hồ Hoàng Gia Bảo; Trịnh Quốc Trung; Vũ Đức Nghĩa Hưng.	Tài chính doanh nghiệp	HK4, năm 2	3				Giảng viên ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ Giảng viên tham gia giảng dạy
25	Hồ Hoàng Gia Bảo; Đỗ Nguyễn Hữu Tấn.	Tài chính quốc tế	HK5, năm 3	3				Giảng viên ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ Giảng viên tham gia giảng dạy
26	Thân Ngọc Minh; Nguyễn Thị Thu Thủy.	Nguyên lý thẩm định giá	HK5, năm 3	3				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
27	Nguyễn Thị Thu Thủy; Ngô Huỳnh Giang.	Thị trường chứng khoán	HK5, năm 3	3				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/Giảng viên tham gia giảng dạy
28	Nguyễn Thị Ngọc; Đoàn Thùy Linh.	Kiểm toán	HK6, năm 3	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
29	Thân Ngọc Minh; Trịnh Quốc Trung; Trần Thùy Nhung.	Ngân hàng thương mại	HK5, năm 3	3				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/Giảng viên tham gia giảng dạy

Stt	Họ và tên	Học phần giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
30	Nguyễn Thị Thu Thủy; Đỗ Nguyễn Hữu Tấn.	Lập và thẩm định dự án	HK7, năm 4	3				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/Giảng viên tham gia giảng dạy
31	Lê Thị Ngân Hà; Nguyễn Thị Thương.	Luật Ngân hàng	HK6, năm 3	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
32	Hồ Hoàng Gia Bảo; Nguyễn Hữu Phú Thành.	Quản trị rủi ro tài chính	HK6, năm 3	3				Giảng viên ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ Giảng viên tham gia giảng dạy
33	Ngô Huỳnh Giang; Nguyễn Thị Hồng Nhung.	Thanh toán quốc tế	HK7, năm 4	2				Giảng viên tham gia giảng dạy
34	Nguyễn Thị Ngọc; Nguyễn Thị Hồng Nhung.	Phân tích hoạt động kinh doanh	HK5, năm 3	2				Giảng viên tham gia giảng dạy
35	Nguyễn Bá Hoàng; Đỗ Nguyễn Hữu Tấn.	Quản lý tài chính các đơn vị công	HK7, năm 4	3				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/Giảng viên tham gia giảng dạy
36	Nguyễn Thị Thu Thủy; Trần Thùy Nhung.	Định giá và quản lý tài sản công	HK6, năm 3	3				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/Giảng viên tham gia giảng dạy
37	Thân Ngọc Minh; Đỗ Nguyễn Hữu Tấn.	Quản lý nhà nước về tài chính	HK6, năm 3	3				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/Giảng viên tham gia giảng dạy
38	Nguyễn Thị Ngọc; Đoàn Thùy Linh.	Kế toán tài chính các đơn vị công	HK6, năm 3	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
39	Phan Phương Nam; Lê Thị Ngân Hà.	Luật Tài chính công	HK7, năm 4	3				Giảng viên tham gia giảng dạy

Stt	Họ và tên	Học phần giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
40	Lê Hoàng Phong; Đoàn Thùy Linh.	Quản lý Thuế	HK7, năm 4	3				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/Giảng viên tham gia giảng dạy
41	Hồ Hoàng Gia Bảo; Lê Hoàng Phong; Nguyễn Hữu Phú Thành.	Phân tích chính sách công	HK7, năm 4	3				Giảng viên ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ Giảng viên tham gia giảng dạy
42	Phan Phương Nam; Trương Thị Tuyết Minh.	Pháp luật về thẩm định giá	HK7, năm 4	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
43	Thân Ngọc Minh; Nguyễn Thị Hồng Nhung; Ngô Huỳnh Giang.	Thẩm định tín dụng	HK6, năm 3	3				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/Giảng viên tham gia giảng dạy
44	Nguyễn Thị Thu Thủy; Vũ Đức Nghĩa Hưng; Nguyễn Thị Hồng Nhung.	Thẩm định giá bất động sản	HK6, năm 3	3				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/Giảng viên tham gia giảng dạy
45	Ngô Gia Hoàng; Hoàng Thị Biên Thùy	Luật Đất đai	HK7, năm 4	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
46	Nguyễn Thị Thu Thủy; Vũ Đức Nghĩa Hưng.	Thẩm định giá doanh nghiệp	HK6, năm 3	3				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/Giảng viên tham gia giảng dạy
47	Nguyễn Thị Thu Thủy; Vũ Đức Nghĩa Hưng.	Quản trị tài sản bất động sản	HK7, năm 4	3				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/Giảng viên tham gia giảng dạy
48	Nguyễn Trọng Luận; Đặng Nguyễn Phương Uyên; Lê Nhật Hồng.	Luật sở hữu trí tuệ	HK7, năm 4	3				Giảng viên tham gia giảng dạy

Stt	Họ và tên	Học phần giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
49	Nguyễn Thị Ngọc; Đoàn Thùy Linh.	Kế toán thuế	HK7, năm 4			3		Giảng viên tham gia giảng dạy
50	Nguyễn Bá Hoàng; Trần Thùy Nhung.	Quản lý tài khóa và soạn lập ngân sách	HK7, năm 4			3		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/Giảng viên tham gia giảng dạy
51	Nguyễn Thị Thu Thủy; Vũ Đức Nghĩa Hưng.	Thẩm định giá tài sản vô hình	HK7, năm 4			3		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/Giảng viên tham gia giảng dạy
52	Nguyễn Thị Thu Thủy; Nguyễn Thị Hồng Nhung.	Thẩm định giá đầu tư	HK7, năm 4			3		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/Giảng viên tham gia giảng dạy
53	Lê Thị Nam Giang; Võ Nguyên Hoàng Phúc.	Quản trị tài sản trí tuệ	HK5, năm 3			3		Giảng viên tham gia giảng dạy
54	Lê Thị Thúy Hương; Đinh Thị Chiến; Lương Minh Sơn.	Luật Lao động	HK5, năm 3			3		Giảng viên tham gia giảng dạy
55	Trần Thị Thu Hà (A); Đặng Tất Dũng; Mai Thị Lâm; Vũ Thị Ngọc Dung; Nguyễn Thị Hồng Hạnh.	Luật Hành chính	HK5, năm 3			3		Giảng viên tham gia giảng dạy
56	Nguyễn Thị Thu Thủy; Trịnh Quốc Trung; Trần Thùy Nhung.	Công nghệ tài chính	HK5, năm 3			3		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/Giảng viên tham gia giảng dạy
57	Lê Hoàng Phong; Nguyễn Bá Hoàng; Đoàn Thùy Linh.	Thực hành khai báo thuế	HK8, năm 4	2				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/Giảng viên tham gia giảng dạy
58	Nguyễn Thị Ngọc; Vũ Đức Nghĩa Hưng.	Thực hành phân tích giá thị trường hàng hóa và tài sản	HK8, năm 4	2				Giảng viên tham gia giảng dạy

6. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, sách, giáo trình để mở ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học

6.1. Về cơ sở vật chất, giảng đường, phòng học, phòng làm việc

a) Tổng diện tích đất của Trường (m^2 , ha): **7.196m²** và 12,8ha, trong đó:

- Tại cơ sở Nguyễn Tất Thành (Quận 4): có diện tích đất là 3.569m² và có diện tích sàn xây dựng là 13.360m², trong đó có 1.460m² làm thư viện và 5.384m² làm phòng học và phòng thảo luận; có số lượng phòng học và phòng thảo luận là 55 phòng, với sức chứa từ 41 đến 342 chỗ ngồi;

- Tại cơ sở Bình Triệu (thành phố Thủ Đức): có diện tích đất là 3.627m² và có diện tích sàn xây dựng là 12.132m², trong đó có 830m² làm thư viện và 3.909m² làm phòng học và phòng thảo luận; có số lượng phòng học và phòng thảo luận là 34 phòng, với sức chứa từ 20 đến 320 chỗ ngồi;

- Tại cơ sở phường Long Phước (thành phố Thủ Đức, Quận 9 cũ): có diện tích đất là 12,8ha và có diện tích sàn xây dựng là 32.660m² (đang trong quá trình hoàn tất thi công), trong đó có 784m² làm thư viện và 4.500m² làm phòng học và phòng thảo luận; có số lượng phòng học và phòng thảo luận là 39 phòng, với sức chứa từ 80 đến 120 chỗ ngồi.

Sinh viên theo học Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học, tùy thuộc vào chỉ tiêu tuyển sinh của từng năm và số lượng thí sinh trúng tuyển, nhập học sẽ được Trường bố trí học tại 01 trong 03 cơ sở nêu trên.

b) Về giảng đường, phòng học, phòng làm việc phục vụ cho việc tuyển sinh và đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học được Trường sử dụng và thực hiện việc đầu tư mua sắm giống như các ngành hiện nay đang được Trường tổ chức đào tạo. Theo đó, hiện nay, Trường có các loại phòng học để bố trí cho sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học như sau:

Stt	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)	Học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của Trường	137	15.437	-	
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	10	3.748	Bắt buộc, tự chọn	Tất cả các học kỳ
1.2.	Phòng học từ 100-200 chỗ	52	6.763	Bắt buộc, tự chọn	Tất cả các học kỳ
1.3.	Phòng học từ 50-100 chỗ	48	3.182	Bắt buộc, tự chọn	Tất cả các học kỳ
1.4.	Phòng học dưới 50 chỗ	14	884	Bắt buộc, tự chọn	Tất cả các học kỳ
1.5.	Phòng học đa phương tiện	04	251	Bắt buộc, tự chọn	Tất cả các học kỳ
1.6.	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của Trường	09	609	Bắt buộc, tự chọn	Tất cả các học kỳ
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	02	2.290	-	Tất cả các học kỳ

Stt	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	05	320	Bắt buộc, tự chọn	Tất cả các học kỳ
Tổng:		144	18.047		

6.2. Trang thiết bị phục vụ đào tạo

a) Trang thiết bị làm việc và phục vụ đào tạo được trang bị đầy đủ, hiện đại. Tất cả máy tính đều được kết nối mạng internet tốc độ cao, liên tục 24/24; tất cả phòng học được trang bị máy chiếu (*projector*) và màn hình LCD chất lượng cao. Trường còn có 01 phòng diễn án với các thiết bị, dụng cụ đáp ứng yêu cầu thực hành xét xử các vụ án, 02 phòng thực hành máy tính, 01 phòng Lab và 01 phòng thiết bị đa năng.

b) Trang thiết bị phục vụ đào tạo tại 03 cơ sở của Trường như sau:

Stt	Phòng học		Trang thiết bị	
	Loại phòng học	Số lượng	Tên gọi thiết bị	Số lượng
1	Phòng học đa phương tiện	124 (trong đó có 39 phòng dự kiến đưa vào hoạt động từ cuối năm 2025)	Máy chiếu (thuyết giảng)	91
			Màn hình LCD (thuyết giảng)	33
2	Phòng học ngoại ngữ	4	Máy chiếu (thuyết giảng)	3
			Màn hình LCD (thuyết giảng)	1
3	Tất cả các giảng đường tại cơ sở Nguyễn Tất Thành	55	Wifi router (kết nối mạng internet tại các phòng học)	125
4	Tất cả các giảng đường tại cơ sở Bình Triệu	34	Wifi router (kết nối mạng internet tại các phòng học)	34
5	Tất cả các giảng đường tại cơ sở Long Phước (dự kiến đưa vào hoạt động vào cuối năm 2025)	39	Wifi router (kết nối mạng internet tại các phòng học)	101

c) Trường có hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng internet tốc độ cao, đảm bảo đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn về diện tích, vị trí, sàn nâng, nhiệt độ, phòng cháy, chống sét bao gồm:

- Hệ thống máy chủ quản lý chung: 03 bộ máy chủ VxRail S570, R740, RAM 128GB, HDD 4x4TB; sử dụng công nghệ Vmware, chứa đựng nhiều máy chủ ảo, công nghệ backup an toàn;

- Hệ thống máy chủ sử dụng cho E-Learning: 03 bộ máy chủ Dell Poweredge R740, trong đó 02 bộ sử dụng Web Server (Load Balancing), 01 bộ sử dụng database; ngoài ra, Trường còn sử dụng hệ thống Cloud Server chạy dự phòng;

- Hệ thống tường lửa (Firewall): sử dụng thiết bị Fortigate 601E Bundle có bản quyền, được hỗ trợ 24/7 từ nhà cung cấp;

- Hệ thống cân bằng tải (Load Balancer): sử dụng thiết bị APV 2800 AppVelocity-E ADC, công nghệ phân tải thông minh;

- Hệ thống lưu trữ: gồm kho lưu trữ Google Drive (là kho lưu trữ chính phục vụ cho hệ thống đang vận hành, tận dụng công nghệ mạnh mẽ từ Google và chính sách hỗ trợ dành cho giáo dục) và kho lưu trữ học liệu dự phòng và học liệu thô trong quá trình sản xuất học liệu để cung cấp cho sinh viên (sử dụng thiết bị lưu trữ SAN có dung lượng 10TB);

- Hệ thống kết nối nút mạng (Switch): sử dụng thiết bị Cisco C9200-24T-A Catalyst 9200, công nghệ Cisco;

- Hệ thống mạng, đường truyền: hệ thống SW Cisco C9200-24T-A Catalyst 9200; 05 đường truyền tốc độ cao Leased line của nhà cung cấp NetNam và Viettel, trong đó: 01 của NetNam: 40Mbps/200Mbps, 02 của NetNam: 100Mbps/500Mbps, 02 của Viettel: 40Mbps/200Mbps; 01 đường truyền MetroNet để nối 02 cơ sở;

- Hệ thống họp trực tuyến Logitech Group: gồm 02 bộ, được trang bị đầy đủ camera, mic, loa;

- Hệ thống máy chủ đám mây chuyên nghiệp (cloud) để nâng cao khả năng vận hành, đáp ứng điều kiện để chuyển sang dạy học trực tuyến đảm bảo có chất lượng như dạy học trực tiếp. Các máy chủ nội bộ và đám mây của Trường gồm có:

Stt	Máy chủ	Số lượng	Năm	Ghi chú
1.	HP DL380G6	01	2013	Dùng làm máy chủ chính (domain controller master).
2.	Cloud Server (CentOS)	01	2020	Dùng cho 03 trang web: E-Learning, thi online và dạy học trực tuyến.
3.	Cloud Server (Azure)	01	2020	Dùng cho Cổng thông tin điện tử và E-office
4.	Dell VxRAIL S570	03	2022	Dùng làm Hệ thống máy chủ ảo: máy chủ phụ (domain controller slave), Kaspersky server, Library server, Libol server, SQL server, MySQL server, Web server, Wifi controller server.
5.	Dell R740	05	2022	- 02 máy dùng cho quản lý đào tạo; - 03 máy dùng cho dạy học trực tuyến.

6.3. Trang thông tin điện tử

Trang thông tin điện tử để đăng tải các thông tin yêu cầu phải công khai, minh bạch thông tin theo quy định; là nơi cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin chính thống của Trường phục vụ cho hoạt động tuyển sinh và đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học, có tại địa chỉ: <https://www.hcmulaw.edu.vn>.

6.4. Thư viện, giáo trình, sách

- Trường có hệ thống thư viện với quy mô lớn và được trang bị các trang thiết bị hiện đại nhất tại khu vực phía Nam. Ngoài thế mạnh là tài liệu chuyên ngành Luật, Trường còn có các tài liệu tham khảo, sách, giáo trình liên quan đến lĩnh vực ngành nghề kinh tế, quản trị và kinh doanh. Thư viện hiện được đặt tại 02 cơ sở của Trường (gồm cơ sở Nguyễn Tất Thành, Quận 4 và cơ sở Bình Triệu, thành phố Thủ Đức), với tổng diện tích sàn xây dựng tại các cơ sở này là 4.454m², trong đó diện tích phòng đọc là 3.304m². Trong năm học 2025-2026, Trường dự kiến sẽ đưa Thư viện vào hoạt động tại cơ sở 3 với quy mô 784m².

- Thư viện được thiết kế, xây dựng và đưa vào hoạt động với cơ sở hạ tầng theo tiêu chuẩn của các thư viện điện tử hiện đại trên thế giới, với phần mềm quản lý thư viện

theo tiêu chuẩn MARC (*Machine - Readable - Cataloging*). Hệ thống thông tin - thư viện này không chỉ cung cấp cho bạn đọc tài liệu truyền thống như: sách, giáo trình, luận án, tạp chí,... mà còn có cả tài liệu điện tử. Trong đó, bao gồm cả đĩa mềm và các cơ sở dữ liệu trực tuyến như: Westlaw, Heinonline, Eline@Vietnam,... Mục lục truy cập công cộng trực tuyến Online public access catalog (OPAC), tạo điều kiện thuận lợi cho bạn đọc tìm kiếm thông tin nhanh chóng. Bên cạnh đó, ngoài các hình thức phục vụ phổ biến như: đọc tại chỗ, mượn về nhà, sao chụp tài liệu, phát hành tài liệu gốc, Thư viện của Trường còn cung cấp dịch vụ tra cứu, tư vấn thông tin theo yêu cầu.

- Về sách, giáo trình và tài liệu tham khảo có trong Thư viện của Trường đảm bảo đáp ứng tài liệu học tập cho 62 học phần trong Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học.

- Ngoài ra, Trường còn có rất nhiều đầu giáo trình và tài liệu khác liên quan đến Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học được thống kê đến thời điểm hiện tại (ngày 01/3/2025) như sau:

- (i) Tổng số đầu tài liệu: 24.386;
- (ii) Tổng số bản tài liệu: 90.151;
- (iii) Tổng số đầu sách, giáo trình, sách tham khảo: 15.242;
- (iv) Tổng số bản sách, giáo trình, sách tham khảo: 71.558.

- Trường có thư viện điện tử, thư viện số:

(i) Thư viện số tài liệu nội sinh: 16.929 file, tại địa chỉ website: <http://thuvienso.hcmulaw.edu.vn/>;

(ii) Các cơ sở dữ liệu mua ngoài và hợp tác với các đơn vị ngoài Trường như:

+ CSDL văn bản pháp luật - thư viện pháp luật, tại địa chỉ website: <https://thuvienphapluat.vn/>;

+ CSDL Westlaw, tại địa chỉ website: <https://next.westlaw.com/>;

+ CSDL Heinonline, tại địa chỉ website: <http://heinonline.org/>;

+ CSDL Sách điện tử (E-book), tại địa chỉ website: <http://portal.igpublish.com/iglibrary/>;

+ CSDL Tạp chí toàn văn của Cục Khoa học và Công nghệ quốc gia, tại địa chỉ website: <https://sti.vista.gov.vn/>;

+ CSDL Văn bản pháp luật - Luật Việt Nam, tại địa chỉ website: <https://luatvietnam.vn/>;

+ CSDL Toàn văn Luận án tiến sĩ của Bộ Giáo dục và đào tạo, tại địa chỉ website: <https://luanvan.moet.gov.vn/>.

- Trường có các địa chỉ website phục vụ trực tiếp cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu như: <https://nhasach.hcmulaw.edu.vn/> (Trung tâm Học liệu) và <https://library.hcmulaw.edu.vn/> (Thư viện).

7. Tổ chức tuyển sinh và đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học

7.1. Chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo và thời gian bắt đầu tuyển sinh

a) Chỉ tiêu tuyển sinh và quy mô đào tạo

(i) Chỉ tiêu tuyển sinh đối với Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học được Trường xác định dựa theo các quy định của Bộ Giáo dục và

Đào tạo về xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ và tiến sĩ. Theo đó, Trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến của năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo như sau:

Năm học	2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029	2029-2030
Chỉ tiêu	100	150	250	350	500

(ii) Như vậy, với chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến như nêu trên thì đến năm 2029-2030 quy mô đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học sẽ là 1.250 sinh viên. Và từ năm học 2030-2031 trở đi, tùy thuộc vào nhu cầu xã hội và khả năng đào tạo của Trường, chỉ tiêu tuyển sinh sẽ được tăng dần qua các năm; dự kiến năm học 2030-2031 chỉ tiêu tuyển sinh của Trường sẽ là 700 và đến năm học 2034-2035 sẽ là 1.500, khi đó (năm học 2034-2035) quy mô đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học sẽ là 4.800 sinh viên. Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh đến năm học 2034-2035 như sau:

Năm học	2030-2031	2031-2032	2032-2033	2033-2034	2034-2035
Chỉ tiêu	700	900	1.100	1.300	1.500

b) Thời gian bắt đầu tuyển sinh: dự kiến Trường sẽ tuyển sinh và đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học cho khóa đầu tiên là từ năm học 2025-2026, với chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến là 100.

7.2. Phương thức tuyển sinh

Phương thức tuyển sinh được thực hiện giống như các ngành đang được cấp có thẩm quyền cho phép tuyển sinh và đào tạo ở trình độ đại học.

7.3. Xây dựng kế hoạch tuyển sinh, thông báo tuyển sinh và học phí

a) Hằng năm, Trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh với các mốc thời gian, nội dung công việc và tiến độ triển khai đảm bảo phù hợp, thống nhất với Kế hoạch công tác tuyển sinh của các ngành đào tạo khác ở trình độ đại học của Trường.

b) Kế hoạch tuyển sinh và thông báo tuyển sinh tại thời điểm tuyển sinh có thông tin đầy đủ, rõ ràng, đặc biệt là thông tin về lệ phí xét tuyển, học phí và các khoản thu khác của người học cho từng năm học và dự kiến cho cả khóa học; và được công khai trên Trang thông tin điện tử, Trang thông tin tuyển sinh của Trường và các phương tiện truyền thông phù hợp ít nhất là 30 ngày, trước ngày tổ chức cho thí sinh đăng ký xét tuyển.

c) Học phí và nguồn tài chính của Đề án

- Học phí được Trường thông báo theo năm học và lộ trình cho toàn khóa học; mức học phí được Trường thu theo học kỳ, năm học và theo tín chỉ sinh viên đăng ký học của từng học kỳ, từng năm học;

- Nguồn kinh phí thực hiện Đề án mở ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học được lấy từ nguồn thu học phí, từ lãi tiền gửi thu học phí, từ các khoản thu sự nghiệp khác gửi tại Ngân hàng thương mại và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của Trường. Nguồn thu từ học phí là nguồn thu quan trọng để đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo và đảm bảo quyền lợi cho sinh viên theo học Chương trình đào tạo này.

7.4. Tổ chức đào tạo và cấp bằng

a) Việc tổ chức đào tạo sinh viên theo học chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học được Trường đảm bảo tuân thủ theo các quy định pháp luật

của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản sau đây của Trường về ban hành chương trình đào tạo và quy chế đào tạo:

(i) Quyết định số 352/QĐ-ĐHL ngày 05/5/2025 của Hiệu trưởng về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học;

(ii) Quyết định số 992/QĐ-ĐHL ngày 16/10/2020 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về giảng dạy và học tập trực tuyến;

(iii) Quyết định số 505/QĐ-ĐHL ngày 07/6/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học;

(iv) Quyết định số 506/QĐ-ĐHL ngày 07/6/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

b) Sinh viên tích lũy đủ và đạt số học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học sẽ được Hiệu trưởng có quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp đại học với danh hiệu “Bằng cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng” và trong phụ lục văn bằng có ghi “hình thức đào tạo chính quy”.

7.5. Vị trí việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

a) Về vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp: người học có thể làm việc/ đảm nhận vị trí công việc tại các cơ quan, đơn vị sau đây:

- Đối với lĩnh vực tài chính, ngân hàng: chuyên viên tại các tổ chức tài chính như ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán; cơ quan quản lý nhà nước về tài chính, ngân hàng; công ty quản lý quỹ, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, công ty bảo hiểm và các tổ chức tài chính khác,... Một số vị trí việc làm thông dụng gồm: chuyên viên tín dụng, chuyên viên thanh toán quốc tế, chuyên viên kinh doanh ngoại tệ, chuyên viên quản lý quỹ, chuyên viên thẩm định giá, chuyên viên phòng đầu tư, chuyên viên phòng nguồn vốn...;

- Đối với lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ: chuyên viên tại các doanh nghiệp như các công ty kiểm toán, công ty kinh doanh bất động sản, công ty bảo hiểm và các doanh nghiệp kinh doanh khác. Một số vị trí việc làm phổ biến trong lĩnh vực này như chuyên viên phân tích tài chính doanh nghiệp; chuyên viên định giá tài sản, mua bán và sáp nhập doanh nghiệp, kinh doanh tiền tệ, quản trị tài sản và nguồn vốn,...;

- Đối với lĩnh vực công nghệ tài chính: chuyên viên tại các công ty Fintech - nơi kết hợp giữa tài chính và công nghệ. Một số vị trí việc làm có thể đảm nhận như chuyên viên phân tích dữ liệu tài chính (Financial Data Analyst), chuyên viên phát triển sản phẩm tài chính số, chuyên viên vận hành ví điện tử, thanh toán điện tử, chuyên viên quản lý rủi ro công nghệ tài chính,...;

- Đối với lĩnh vực phi chính phủ và phát triển quốc tế: các tổ chức phi chính phủ NGO, tổ chức phát triển quốc tế (một số tổ chức tiêu biểu cho lĩnh vực này như UNDP, ADB, World Bank, NGOs hoạt động tại Việt Nam) cần nhân sự có kiến thức về tài chính để đảm nhận các công việc như quản lý ngân sách dự án, kiểm soát tài chính trong các chương trình phát triển; làm báo cáo và phân tích tài chính trong các dự án hỗ trợ cộng đồng;

- Đối với lĩnh vực quản lý nhà nước và chính sách công: chuyên viên tại các cơ quan quản lý nhà nước như sở tài chính, cục thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng nhà nước; các đơn vị xây dựng và giám sát chính sách tài khóa, tiền tệ,...;

- Tham gia hoạt động giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu

cứu lĩnh vực Kinh doanh và quản lý; ngành Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm, Công nghệ tài chính.

b) Về khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp: được học lên trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng và các ngành thuộc nhóm ngành “Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm” khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của cơ sở đào tạo.

8. Tổ chức thực hiện

8.1. Phòng Đào tạo Đại học

a) Chủ trì, phối hợp với Phòng Tư vấn tuyển sinh, Phòng Truyền thông và Quan hệ doanh nghiệp, Phòng Cơ sở dữ liệu và Công nghệ thông tin tổ chức tư vấn tuyển sinh và truyền thông về Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học; đăng tải các nội dung cơ bản của Đề án mở ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học lên Trang thông tin điện tử của Trường và lên Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học (Hệ thống Hemis);

b) Phối hợp với Khoa Quản trị, các khoa phụ trách chuyên môn khác, Phòng Tư vấn tuyển sinh và các đơn vị có liên quan tổ chức tư vấn tuyển sinh, tuyển sinh và đào tạo đảm bảo theo đúng quy định, quy chế tuyển sinh và đào tạo hiện hành;

c) Phối hợp với Phòng Công tác sinh viên và các đơn vị liên quan phổ biến, hướng dẫn cho sinh viên quy chế của Trường và các quy định liên quan đến quá trình học tập, kiểm tra, thi, các quy định về nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên khi bắt đầu khóa học cho đến kết thúc khóa học;

d) Phối hợp với Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí thực hiện việc khảo sát, thu thập ý kiến, quan điểm của các bên liên quan về chương trình đào tạo, đề án mở ngành đào tạo; công tác khảo thí; đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và cơ sở giáo dục đại học theo quy định pháp luật;

đ) Chịu trách nhiệm lập kế hoạch đào tạo theo từng học kỳ, đợt học; quản lý và vận hành các lớp học phần của chương trình đào tạo trên hệ thống quản lý đào tạo; quản lý và giám sát quá trình giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên; quản lý dữ liệu liên quan đến thông tin của cá nhân sinh viên được cấp bằng;

e) Chịu trách nhiệm quản lý học vụ, công tác xét tốt nghiệp và công tác cấp phát văn bằng tốt nghiệp cho sinh viên theo học Chương trình đào tạo này;

g) Chịu trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo, lưu trữ và công khai thông tin đối với Chương trình đào tạo và Đề án mở ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học theo quy định.

8.2. Phòng Cơ sở dữ liệu và Công nghệ thông tin

a) Hằng năm, chủ trì, phối hợp với Khoa Quản trị, các khoa phụ trách chuyên môn khác, Phòng Đào tạo Đại học và các đơn vị có liên quan tổ chức bồi dưỡng kỹ năng, phương pháp giảng dạy và quản lý hoạt động dạy học trực tuyến cho giảng viên, viên chức hỗ trợ học tập và viên chức quản lý; xây dựng kế hoạch để tổ chức hoặc cử giảng viên và viên chức hỗ trợ học tập, viên chức quản lý tham gia các buổi tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin; kỹ năng sử dụng các công cụ trên phần mềm đào tạo trực tuyến; kỹ năng sử dụng các công cụ trên phần mềm quản lý nội dung học tập trực tuyến và phần mềm quản lý học tập trực tuyến;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc duy trì, phát triển và cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin; cấp tài khoản học tập cho sinh viên; hỗ trợ kỹ thuật và xử lý sự cố cho người dùng trong quá trình giảng dạy và học tập, kể cả khi triển khai dạy học trực tuyến;

c) Chủ trì, phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học, Phòng Tư vấn tuyển sinh, Phòng Truyền thông và Quan hệ doanh nghiệp đăng tải các nội dung cơ bản của Chương trình đào tạo và Đề án mở ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học lên Trang thông tin điện tử của Trường và lên Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học (Hệ thống Hemis).

8.3. Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí

a) Chủ trì, phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học và Khoa Quản trị thực hiện việc khảo sát, thu thập ý kiến, quan điểm của các bên liên quan về Chương trình đào tạo và Đề án mở ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công tác khảo thí, quản lý và giám sát quá trình tham gia dự thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của sinh viên; công tác đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và cơ sở giáo dục đại học theo quy định pháp luật;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên và các bên liên quan về hoạt động đào tạo; phương pháp giảng dạy của giảng viên và phương pháp kiểm tra, đánh giá điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần.

8.4. Phòng Công tác sinh viên

a) Chủ trì, phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học và các đơn vị liên quan tổ chức các buổi phổ biến, hướng dẫn cho sinh viên quy chế của Trường và các quy định liên quan đến quá trình học tập, kiểm tra, thi, các quy định về nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên khi bắt đầu khóa học cho đến kết thúc khóa học;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật sinh viên và các hoạt động khác liên quan đến công tác sinh viên.

8.5. Trung tâm Học liệu, Thư viện: chủ trì, phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học và các đơn vị liên quan cung cấp tài liệu học tập và các loại tài liệu tham khảo dưới dạng tài liệu in ấn hoặc tài liệu điện tử thông qua hệ thống thư viện, thư viện số, trung tâm học liệu.

8.6. Khoa Quản trị

a) Chủ trì, phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học đảm bảo theo đúng quy định, quy chế đào tạo hiện hành;

b) Phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học cung cấp đầy đủ các loại hồ sơ minh chứng liên quan đến Chương trình đào tạo và Đề án mở ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học, khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền;

c) Phối hợp với Phòng Cơ sở dữ liệu và Công nghệ thông tin tổ chức bồi dưỡng kỹ năng, phương pháp giảng dạy và quản lý hoạt động dạy học trực tuyến cho giảng viên, viên chức quản lý tham gia giảng dạy các học phần trong Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học;

d) Chịu trách nhiệm chuyên môn đối với các học phần trong Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học.

9. Văn bản đính kèm

Đính kèm các nội dung cơ bản của Đề án mở ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học là:

- a) Quy chế, Quy định liên quan đến ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học;
- b) Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học;
- c) Quyết định ban hành Đề án mở ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học;
- d) Các phụ lục về điều kiện bảo đảm chất lượng để thực hiện hoạt động tuyển sinh và đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng website Trường (để công khai);
- Lưu: VT, P.ĐTĐH.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Trường Sơn